

Bản án số: 482/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Phạm Thị Mai

2/ Bà Đỗ Thị Thu Hương

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T:* Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST – HNGĐ ngày 29/5/2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Hoàng Nguyên V, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 55/10/55 đường M, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Quang D, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 55/10/55 đường M, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn – bà Bùi Hoàng Nguyên V trình bày:

Bà và ông Phạm Quang D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/P8, quyển số 01/2000 ngày 17/8/2000.

Sau khi kết hôn, trong thời gian chung sống, ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Vào năm 2018, bà đã gửi đơn ly hôn 1 lần nhưng bà đã rút đơn khởi kiện để cố gắng hòa giải, hàn gắn với ông D, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Bà và ông D mặc dù sống chung một nhà nhưng đã ly thân được 4 năm. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng

không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Quang D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà V khai bà và ông D có 02 con chung tên Phạm Hoàng Khánh V, sinh năm 2001- đã thành niên và Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005. Ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hoàng M và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà V khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Bà V khai bà và ông D không có nợ chung.

Bị đơn – ông Phạm Quang D trình bày: Ông đồng ý với phần trình bày của bà V về quá trình kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Khoảng năm 2013, bà V nghi ngờ ông ngoại tình và có con riêng với người khác nhưng thực tế không phải như vậy, bà V toàn nghi ngờ chứ không có chứng cứ nào thể hiện ông ngoại tình. Đến nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng do bà V đã tự ý ra ngủ riêng từ năm 2016. Bà V yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông muốn gia đình có đầy đủ cha mẹ để chăm lo cho các con nên người, học hành đến nơi đến chốn và không bị tổn thương về tình cảm.

Về con chung: Ông D khai ông và bà V có 02 con chung tên Phạm Hoàng Khánh V, sinh năm 2001 – đã thành niên và Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung Hoàng M cho bà V nuôi, về mức cấp dưỡng nuôi con ông yêu cầu hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Ông D khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Ông D khai ông và bà V không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V yêu cầu ly hôn với ông Phạm Quang D; Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Hoàng Khánh V, sinh năm 2001 – đã thành niên và Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005; bà yêu cầu nuôi con chung Phạm Hoàng Minh và tự thỏa thuận với ông D về mức cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Nguyên đơn khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Nguyên đơn khai hai bên không có nợ chung.

Bị đơn, ông Phạm Quang D vẫn giữ nguyên ý kiến về các nội dung đã trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà V vì mâu thuẫn vợ chồng không đáng và con chung Phạm Hoàng M còn nhỏ, vẫn cần sự chăm sóc của mẹ. Bản thân ông cũng thừa nhận do ông bận công việc nên không có nhiều thời gian giành cho gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng Khánh V, sinh năm 2001 – đã thành niên và Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005. Trong trường hợp buộc phải ly hôn thì ông đồng ý giao cho bà V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005, mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Bị đơn khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bị đơn khai hai bên không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có

Về nội dung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Bùi Hoàng Nguyên V có đơn yêu cầu ly hôn ông Phạm Quang D. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Bùi Hoàng Nguyên V, bị đơn ông Phạm Quang D.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Phạm Quang D hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện giữa bà V và ông D không còn tình cảm vợ chồng, ông bà mặc dù chung sống một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Năm 2018 bà V có nộp đơn xin ly hôn và sau đó rút đơn khởi kiện nhằm mục đích để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng nay nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng, không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Bị đơn có ý kiến không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nhưng cũng thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, hiện nay mặc dù đang sống chung một nhà nhưng đã ly thân, không có sự quan tâm chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau và không tìm được tiếng nói chung cũng như không có biện pháp hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung:

Có 02 con chung tên Phạm Hoàng Khánh V, sinh năm 2001 – đã thành niên và Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005 cho bà Bùi Hoàng Nguyên V nuôi là có cơ sở chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự yêu cầu tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp; Án phí về cấp dưỡng do bị đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Bùi Hoàng Nguyên V được ly hôn ông Phạm Quang D.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng Khánh V, sinh năm 2001 – đã thành niên và Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005

Giao cho bà Bùi Hoàng Nguyên V được trực tiếp nuôi con chung Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/6/2005

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Bùi Hoàng Nguyên V nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Bùi Hoàng Nguyên V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039880 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc